

VẤN ĐỀ TÔN KÍNH TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT TRƯỚC VÀ SAU CÔNG ĐỒNG VATICAN II

VŨ VĂN ĐẠT

Tóm tắt

Thờ cúng tổ tiên là một phong tục ngàn đời của người Việt Nam, đã ăn sâu vào trong đời sống cũng như nếp nghĩ của tất cả các tầng lớp dân cư kể cả những người theo đạo Công giáo. Trước và sau Công đồng Vatican II, với những thay đổi trong quan điểm của Giáo hội về các tôn giáo, việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt đã có những thay đổi. Việc ứng xử của người Công giáo Việt Nam với tục thờ cúng tổ tiên là một biểu hiện sống động nhất của quá trình hội nhập giữa Công giáo và văn hóa Việt Nam cũng như quá trình Công giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

Từ khóa: Tôn kính tổ tiên, người Công giáo Việt, Công đồng Vatican II

Abstract

Ancestor worship is a perennial tradition of Vietnam that has been close to the life and thinking of all strata including Catholic ones. Before and after the Second Vatican Ecumenical Council, with the change in the Church's views on religions, the respect for ancestors of the Catholic Vietnamese has changed. The behavior of the Catholic Vietnamese with ancestor worship is the most vivid manifestation of the integration process between Catholicism and culture of Vietnam as well as the Vietnam Catholicism accompanying with the nation.

Keyword: Respecting ancestors, Catholic Vietnamese, 2nd Vatican Ecumenical council

1. Bối cảnh chung

Công giáo (cùng với Chính Thống giáo, Tin Lành, Anh giáo) là một nhánh của Kitô giáo ra đời ở khu vực Trung Đông thế kỷ thứ nhất. Mặc dù sớm được truyền bá ở nhiều nơi trên thế giới nhưng Công giáo có ảnh hưởng sâu đậm ở phương Tây và được coi là đại diện cho nền văn hóa này.

Trong cả ngàn năm trung cổ, Công giáo là một thế lực lớn ở xã hội phương Tây, có tầm ảnh hưởng bao trùm lên mọi mặt của đời sống

xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục,... và coi mình là một tôn giáo duy nhất chân thật, coi thường hoặc phủ nhận sự tồn tại cũng như giá trị của các tôn giáo – tín ngưỡng khác, trong đó có thờ cúng tổ tiên.

Đối với Tòa thánh Vatican, thờ cúng tổ tiên là một vấn đề gây ra sự tranh luận kéo dài đến mức kỷ lục, từ đầu thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII, qua mười đời giáo hoàng, với nhiều sắc lệnh cấm người tín hữu thi hành các nghi lễ cúng bái tổ tiên và đức Khổng Tử.

Tuy nhiên, những thập kỷ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, khoa học - kỹ thuật thế giới có những thay đổi mạnh mẽ, gây ra những tác động không nhỏ đến đời sống của Giáo hội cũng như niềm tin tôn giáo của tín đồ. Tình hình đó thúc đẩy Giáo hội tự kiểm điểm, nhận ra sự thật, để chấn chỉnh, cải tổ và canh tân.

Công đồng Vatican II là một hội nghị của toàn thể giám mục trên thế giới, được Giáo hoàng Gioan XXIII triệu tập ngày 11 tháng 10 năm 1962 và Giáo hoàng Phaolô VI kết thúc ngày 8 tháng 12 năm 1965. Đây là Công đồng thứ 21 của Giáo hội Công giáo. Công đồng đã cho ra đời 16 văn kiện, gồm 4 hiến chế, 9 sắc lệnh và 3 tuyên ngôn. Vatican II là một bước ngoặt mang tính lịch sử và văn hóa đối với Giáo hội Công giáo Rôma vì những cải cách căn bản về thần học và cơ chế, là những điều đã từng bị ngăn trở qua hàng thế kỷ, nay được quan tâm sâu sắc.

Công đồng ý thức rằng Giáo hội được sai đến với mọi dân tộc, thuộc mọi nơi, và mọi thời của nhân loại chứ không chỉ đến với một số dân tộc cá biệt nào. Sứ mạng của Giáo hội là loan truyền cho muôn dân sứ điệp cứu độ của Chúa Kitô. Nhưng khi loan truyền sứ điệp đó cho muôn dân, Giáo hội phải nói theo văn hóa riêng của từng thời đại và của từng dân tộc.

Công đồng đã công nhận giá trị tốt đẹp của các tôn giáo khác, và rằng: Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động và lối sống, những huấn giáo và giáo thuyết kia, tuy có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng cũng “thường đem lại ánh sáng của chân lý, chân lý chiếu soi cho hết mọi người”. Những thay đổi trong quan điểm của Giáo hội về các tôn giáo - tín ngưỡng cũng như đối với các nền văn hóa như một luồng gió mát thổi vào đời sống Giáo hội nói chung, Giáo hội Công giáo Việt Nam nói riêng.

Trên tinh thần Công đồng Vatican II, Giáo hội Công giáo Việt Nam cụ thể đường hướng đó trong Thư chung 1980, khẳng định “sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”. Đối với vấn đề tôn kính tổ tiên, ngày 14 tháng 6 năm 1965, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã ra thông cáo về việc tôn kính tổ tiên, qua đó nói về bản chất cũng như những giá trị tốt đẹp của tục thờ cúng tổ tiên và cho phép giáo dân tôn kính tổ tiên theo phong tục dân tộc.

Trước những thay đổi trong quan điểm của giáo hội về thờ cúng tổ tiên, những nghi thức và việc làm trong việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt Nam cũng có những thay đổi quan trọng.

2. Quá trình biến đổi của những lễ thức trong việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt Nam

2.1. Giai đoạn trước Công đồng Vatican II

Như trên đã nói, trước Công đồng Vatican II, nhìn chung Giáo hội rất khắt khe đối với tục thờ cúng tổ tiên vì cho rằng nó đi ngược lại tinh thần Công giáo.

Trước những tranh cãi xung quanh “Nghi lễ Trung Hoa”, năm 1645 Giáo hoàng Innocenté X ra sắc lệnh cấm người tín hữu thi hành các nghi lễ cúng bái tổ tiên và Đức Khổng Tử.

Ngày 20 tháng 11 năm 1704, Giáo hoàng Clementé XI ra sắc lệnh, theo đó ai không tuân lệnh, tức khắc bị phạt tuyệt thông. Sắc lệnh quy định:

- Cấm dùng từ ngữ Thiên, Thượng Đế để chỉ cho Thiên Chúa;

- Cấm trưng bày trong nhà thờ tấm hoành phi có hai chữ Kính Thiên;

- Cấm làm chủ tế hoặc tham dự lễ tế Đức Khổng hoặc người quá cố, vì đó là nghi lễ đầy dị đoan;

- Cắm tế Đức Khổng trong ngày một và rằm mỗi tháng;

- Cắm đặt bài vị trong nhà.

Ngày 19 tháng 3 năm 1715, Giáo hoàng Clément XI công bố *Hiến chế Ex ilia die*, mục đích là xác minh hơn sắc lệnh năm 1704 và buộc mọi người phải vâng phục hoàn toàn, còn các thừa sai thì phải long trọng tuyên thệ tuân giữ. Ngày 11 tháng 7 năm 1742, Giáo hoàng Bê-nê-đi-tô XIV công bố *Hiến chế Ex quo singulari providentia*, nhắc lại tất cả những chỉ thị, sắc lệnh, Hiến chế của Tòa thánh từ 1645 đến 1735 về vấn đề nghi lễ Trung Hoa. Ở Việt Nam cũng như ở Trung Hoa, người Công giáo đều phải hoàn toàn vâng phục Hiến chế 1742, không ai được vi phạm bất cứ lý do gì để tranh luận nữa. Các thừa sai ở Việt Nam, về cơ bản, cũng có chung quan điểm như vậy.

Tuy nhiên, trong quá trình truyền giáo, Giáo hội Công giáo không ngừng nhận thức theo chiều hướng ngày càng đúng đắn và đầy đủ hơn văn hóa bản địa. Sự thay đổi nhận thức này đã dẫn đến những quyết định ngày càng phù hợp và có lợi hơn. Trước những lời nhìn nhận công khai của nhà nước Trung Hoa và nhiều ý kiến khác nữa, năm 1939, Giáo hoàng Pio XII ra sắc lệnh *Plane compertum est*, công nhận những nghi lễ thờ tổ tiên và Đức Khổng Tử tuy không phải là nghi lễ đích danh tôn giáo nhưng là cử chỉ biểu thị lòng sùng bái chính đáng đối với các bậc tài đức trong nước cũng như lòng hiếu thảo đối với người quá cố, do đó người Công giáo có thể dự vào những nghi lễ nói trên. Sắc lệnh này cũng bác bỏ lời thể mà hai sắc lệnh trước đó bắt buộc. Tuy nhiên, phải đợi đến Công đồng Vatican II thì sắc lệnh này mới thực sự có hiệu lực ở Việt Nam.

Đây là thời kỳ khó khăn nhất và cũng vinh quang nhất đối với Giáo hội Công giáo Việt Nam, vì người Công giáo tự hào rằng cho dù bị bách hại ghê gớm, họ vẫn kiên trung với lý tưởng đức tin. Vấn đề ứng xử thế nào với

phong tục thờ cúng tổ tiên đã đặt người Công giáo Việt trước một thách đố lớn: Làm sao giữ được phong tục ngàn đời của dân tộc trước những cấm đoán của Giáo hội?

Thực tế đã chứng minh, tuy bị Giáo hội cấm đoán như thế, nhưng người Công giáo Việt luôn tìm cách thích ứng giữa tư tưởng, quan điểm về tổ tiên của Công giáo với các nghi lễ truyền thống trong tục thờ cúng tổ tiên của dân tộc.

Người Việt rất yêu mến tổ tiên, vì vậy, người Công giáo Việt luôn tích cực cầu nguyện cho ông bà cha mẹ sau khi họ đã qua đời. Xuất phát từ quan niệm của người Công giáo về tình trạng tồn tại của linh hồn sau khi chết, người Công giáo Việt luôn mong ước ông bà cha mẹ sớm được lên thiên đàng hưởng hạnh phúc. Có một việc làm tích cực đó là cầu nguyện. Từ lâu, việc cầu nguyện cho người chết đã trở thành truyền thống trong Giáo hội.

Ngay từ khi còn là những cộng đoàn Công giáo nhỏ sống tập trung, họ thường tập hợp nhau lại để cầu nguyện, trong đó có cầu cho những người đã qua đời. Vì thời gian đầu, các linh mục còn rất thiếu, nên việc có được thánh lễ là rất ít nhưng việc cầu nguyện chung lại diễn ra thường xuyên. "Trong tuần, tối sáng đều có đọc kinh ở nhà thờ. Tối thứ hai đọc kinh cầu hồn cho những người đã qua đời, thứ sáu đi Đàng Thánh giá và thứ bảy đọc kinh kính Đức Mẹ" (6, tr.170). Có lẽ do tác động của tính trọng mầu mà họ đặc biệt yêu mến Đức Mẹ Maria, nên họ rất coi trọng việc lần chuỗi. "Mỗi ngày chủ nhật, bốn đạo lúc nào cũng lần chuỗi trước thánh lễ một chuỗi, trưa một và tối một" (6, tr.170). Giữa mười kinh, họ đọc một kinh cầu cho linh hồn tổ tiên; lời cầu đại loại như sau: "Lạy ơn Đức Chúa Giêsu, xin tha tội lỗi chúng con, giữ gìn chúng con khỏi sa hỏa ngục, và ban cho các linh hồn lên thiên đàng, nhất là những linh hồn cần đến lòng Chúa thương xót hơn". Kết thúc buổi đọc kinh, bao giờ cũng có một kinh cầu cho tổ tiên.

Người Công giáo Việt ngay từ đầu đã tích cực đọc kinh trong gia đình để cầu cho người qua đời. Có thể chỉ có các thành viên trong gia đình đọc với nhau vào buổi sáng - tối, cũng có thể vài ba gia đình đọc với nhau. Việc làm này được duy trì đến ngày nay.

Việc đọc kinh cầu cho linh hồn tổ tiên lại càng được sốt sắng trong "Tháng các linh hồn" (tháng 11 dương lịch hàng năm). Alaxander de Rhodes (Đắc Lộ) trong cuốn "Lịch sử Vương quốc Đàng Ngoài" cho biết, vào "Tháng các linh hồn", buổi tối, bà con giáo hữu đi ra mộ đọc kinh cầu nguyện cho ông bà tổ tiên rất nhộn nhịp, đuốc sáng rực trời. Thường vào đầu "Tháng các linh hồn", họ được linh mục cử hành thánh lễ cầu hồn, có thể tại nhà thờ hoặc tại nghĩa địa (vườn thánh) với bàn lễ được dựng tạm nhưng không thiếu đèn hoa.

Công giáo đặc biệt chú trọng và đề cao giá trị thánh lễ vì đối với họ, thánh lễ có giá trị cứu rỗi to lớn. Thánh lễ đem lại sự sám hối và tha thứ tội lỗi, giảm bớt các hình phạt tạm phải chịu vì tội, làm suy yếu ảnh hưởng của ma quỷ và kích thích dấy loạn của xác thịt, làm vững chắc mối dây liên kết với thân thể Chúa Kitô, gìn giữ con người khỏi nguy hiểm và tai nạn, rút ngắn hình phạt trong Luyện Ngục, ban cho con người cấp bậc vinh quang cao hơn trên thiên đàng. Ý thức được điều đó, người Công giáo rất quan tâm đến việc xin các linh mục dâng lễ cầu nguyện cho linh hồn tổ tiên của mình (thánh lễ này gọi là lễ cầu hồn). Nhất là vào đầu thế kỷ XX, khi Công giáo đã được tự do hoạt động, việc dâng lễ cầu hồn lại càng được chú trọng và làm thường xuyên hơn. Trong ngày lễ Phục sinh (lễ Chúa Giêsu sống lại), các linh mục hay làm lễ Mổ (thánh lễ làm phép tại các ngôi mộ của người Công giáo với ước vọng linh hồn người chết sẽ phục sinh trong ngày sau hết) cho giáo dân.

Trong phong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt thì cúng lễ trong các ngày giỗ (ky nhật) và

ngày lễ tết rất quan trọng. Người Công giáo Việt cũng không hề lơ là tổ tiên trong những ngày đó. Vào ngày giỗ của ông bà cha mẹ, con cháu (có thể mời thêm hàng xóm láng giềng, anh em gần xa) thường tập trung lại để cầu nguyện cho linh hồn người thân. Nếu ai có điều kiện và khi gặp thuận lợi, họ có thể xin linh mục dâng thánh lễ tại nhà thờ để cầu nguyện cho linh hồn người thân đã qua đời.

Trong ngày giỗ, con cháu tập trung tại gia đình trưởng nam (nếu không có trưởng nam thì tại gia đình một người nào đó có trách nhiệm chính trong việc cầu nguyện cho ông bà cha mẹ) để cầu kinh, để nhắc nhở nhau duy trì và phát huy gương sáng mà cha mẹ để lại, nhất là tấm gương trung thành với Chúa, trung thành với Giáo hội và yêu mến con cháu. Trong các ngày lễ tết, con cháu cũng có những việc làm hướng về ông bà tổ tiên. Trước Công đồng Vatican II, người Công giáo Việt thường e dè trong không khí lễ tết, vì thế trong những ngày này, tổ tiên không được chú ý đặc biệt.

Vấn đề đáng lưu ý nhất trong những lễ thức đối với tổ tiên của người Việt trước Vatican II là: thời kỳ này, người Công giáo Việt không lập bàn thờ tổ tiên, trong gia đình chỉ có bàn thờ Chúa. Bàn thờ Chúa bao giờ cũng được đặt ở nơi cao ráo và trang trọng nhất trong nhà. Thời gian đầu, bàn thờ Chúa cũng chỉ có cây thánh giá và lọ nước phép. Một số gia đình khá giả thì có thêm một vài bức tranh nhỏ cùng một vài bức tượng (Chúa và các thánh). Nhưng đến đầu thế kỷ XX, bàn thờ Chúa của người Công giáo Việt được bài trí đẹp hơn gồm nhiều tranh ảnh, tượng, cây Thánh giá,... Bàn thờ Chúa không bao giờ thiếu cây thánh giá cũng như bàn thờ tổ tiên của người Việt không bao giờ được thiếu bát hương. Người Công giáo Việt thời kỳ này không được lập bàn thờ riêng để kính nhớ tổ tiên, nếu có thì chỉ là lén lút, nhưng nói như Toan Ánh, "việc không có bàn thờ tổ tiên chỉ là việc chuyển đổi bàn thờ tổ tiên đến bàn thờ Chúa, như vậy nghĩa là vẫn có sự thờ cúng tổ tiên qua bàn thờ Chúa" (1, tr.4).

Nói đến lễ vật, người tín hữu luôn ý thức rằng lễ vật chỉ có một vai trò thể hiện lòng hiếu thảo của con cháu đối với tổ tiên chứ không cho rằng tổ tiên có thể “về” và thụ hưởng những lễ vật đó. Quan điểm này quyết định thành phần và đặc tính của lễ vật: chủ yếu là hoa quả, nến,... tuyệt đối không dùng xôi, thịt, tức những đồ mặn.

Ngay từ thời gian này, người Công giáo đã ý thức được một điều rằng làm những việc tốt lành, noi theo gương tốt của tổ tiên, cũng là báo hiếu tổ tiên vậy. Ông lý trưởng Gioan Hòa là một người Công giáo nhiệt thành. Năm 1859, ông bị đưa ra pháp trường sau khi bị đánh 82 roi nhưng không bỏ đạo. “Ở pháp trường, ông đồng dục nói: Chúng tôi sẵn sàng vâng phục Hoàng đế trong phạm vi một người dân đối với vua như nộp thuế, nhập ngũ, đạo dạy không được vi phạm đến luật phép Nhà nước nhưng luật cấm theo Công giáo là luật mà chúng tôi không thể làm theo được. Vì tuân theo luật này, chúng tôi đã phạm tới Thiên Chúa và phạm đến các đấng tiền nhân đã nuôi nấng dạy dỗ chúng tôi trong lòng đạo đức của Chúa. Sau Thiên Chúa và Vua, chúng tôi còn phải kính mến và vâng phục những đấng tiền nhân, cha mẹ chúng tôi” (6, tr.473).

Tóm lại, trên phương diện nghi lễ, người Công giáo Việt từng bước từ bỏ một số nghi lễ thờ cúng của phong tục thờ cúng tổ tiên, thay vào đó là những nghi lễ và việc làm theo tinh thần Công giáo mà vẫn giữ được ý nghĩa thể hiện lòng hiếu thảo với tổ tiên, vẫn thể hiện được tinh thần “uống nước nhớ nguồn”. Nói như thế không có nghĩa là họ bỏ hết những nghi lễ truyền thống, họ luôn cố gắng giữ lại những lễ nghi phù hợp và ngày càng cải biến nó theo tinh thần Công giáo. Việc mang bát hương đi gửi hay giấu chỗ kín đáo là một khát vọng muốn giữ lại những lễ thức có nhiều ý nghĩa. Chính vua Gia Long và các quan đã công nhận “Công giáo bỏ ngoài tất cả những cái gì là dị đoan và biết tôn kính ông bà tổ tiên một

cách nghiêm trang” (6, tr.270). Tuy nhiên, việc thực hành các nghi thức theo phong tục còn rất hạn chế, nguyên nhân chủ yếu là do sự ngăn cấm từ phía Giáo hội. Công đồng Vatican II mở đường cho tất cả những dòng canh tân cũng như trong việc thực hành các phong tục bản địa. Đến lúc này, Giáo hội Công giáo Việt Nam mới thực sự hòa mình cùng văn hóa dân tộc, nhất là với tục thờ cúng tổ tiên của người Việt.

2.2. Giai đoạn sau Công đồng Vatican II

Sau khi Roma tháo gỡ nghi lễ Trung Hoa bằng *Huấn thị Plane compertum est* (1939), đất nước Việt Nam đang ở trong tình trạng thuộc địa và chiến tranh nên chưa áp dụng được những cởi mở nghi lễ mà *Huấn thị* cho phép. Phải đợi Công đồng Vatican II thổi luồng gió mới vào Giáo hội, lúc này Hội đồng Giám mục Việt Nam (miền Nam Việt Nam) mới đề nghị xin áp dụng *Huấn thị Plane compertum est*. Ngày 14 tháng 6 năm 1965, Hội đồng Giám mục Việt Nam (miền Nam Việt Nam) đã ra thông cáo về việc tôn kính tổ tiên (5, tr.487-489). Phần đề cập đến thể thức áp dụng *Huấn thị Plane compertum est*, đã xác nhận: Nhiều hành vi cử chỉ xưa kia, tại Việt Nam, có tính cách tôn giáo, nhưng nay vì sự tiếp xúc với bên ngoài và vì tâm tình, tập quán, đã thay đổi nhiều, nên chỉ còn là những phương cách biểu lộ lòng hiếu thảo tôn kính đối với tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ (người Công giáo sử dụng thuật ngữ “tôn kính” chứ không “thờ cúng” tổ tiên). Những cử chỉ, thái độ, nghi lễ, có tính cách thể tục, lịch sự, và xã giao đó, Giáo hội Công giáo chẳng những không ngăn cấm mà còn mong muốn và khuyến khích cho nó được diễn tả bằng các cử chỉ riêng biệt của mỗi nước, mỗi xứ tùy theo từng trường hợp.

Vì thế, những cử chỉ, thái độ và nghi lễ tự nó hoặc do hoàn cảnh, có một ý nghĩa thể tục rõ ràng, là để tỏ tinh thần ái quốc, lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sĩ (như treo ảnh, hình, dựng

tượng, nghiêng mình bái kính, trưng hoa đèn, tổ chức ngày kỵ, giỗ...) thì được thi hành và giáo dân tham dự một cách chủ động.

Tiếp đó, ngày 14 tháng 11 năm 1974, trong Hội nghị ở Nha Trang, bầy Giám mục Việt Nam đã xác định cụ thể hơn vấn đề thờ cúng tổ tiên bằng sáu điểm:

- Bàn thờ gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện gì thể hiện mê tín dị đoan.

- Việc đốt hương, nhang, đèn, nến trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ gia tiên và trước giường thờ tổ tiên là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính, được phép làm.

- Ngày giỗ cũng là ngày “kỵ nhật”, được “cúng giỗ” trong gia đình theo phong tục địa phương, miễn là loại bỏ những gì mê tín dị đoan như đốt vàng mã...

- Trong hôn lễ, dâu rể được làm “lễ tổ, lễ gia tiên trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên” vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn, hiếu kính trình diện với ông bà.

- Trong tang lễ, được vái lạy trước thi hài người qua cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương để tỏ lòng tôn kính đối với người đã khuất...

- Được tham dự nghi lễ tôn kính vị Thành hoàng để tỏ lòng tôn kính biết ơn những vị mà theo lịch sử, đã có công với dân tộc hoặc là ân nhân của dân làng...” (7, tr.63-64)

Như vậy, sau một thời gian dài tranh luận với nhiều bất đồng, cuối cùng Giáo hội đã mở ra một lối đi mới trong nhận thức về các nền văn hóa, các tôn giáo và tục thờ cúng tổ tiên. Những quan điểm thiên kiến, trích thượng trước đây đã được thay bằng một thái độ khiêm nhường và một cái nhìn bao dung, sáng suốt. Những thay đổi ấy đã nhanh chóng ảnh hưởng tích cực đến đời sống của Giáo hội nói chung và Giáo hội Việt Nam nói riêng, làm thay

đổi thái độ cũng như cách hành xử của giáo dân đối với những việc mà trước đây họ bị ngăn cấm, nhất là tục thờ cúng tổ tiên.

Trước sự cởi mở của Giáo hội Công giáo đối với tục thờ cúng tổ tiên, người Công giáo Việt đón nhận với một sự vui mừng khôn tả. Khi theo Công giáo, người Việt hầu như không còn tin rằng tổ tiên đang ở nơi “chín suối”, không tin tổ tiên đang ngự trên bàn thờ, không tin tổ tiên có thể phù hộ trực tiếp hay “về” hưởng lễ vật, nhưng họ vẫn muốn thể hiện lòng hiếu thảo với tổ tiên bằng những lễ thức quen thuộc, vì đối với họ lúc này, những lễ thức ấy không phải “đích danh tôn giáo”.

Cũng như những người Việt khác, người Công giáo Việt rất tôn kính tổ tiên và luôn muốn thể hiện bằng những hành động cụ thể. Những nghi lễ và việc làm dành cho tổ tiên trước Vatican II như Thánh lễ, việc cầu nguyện, viếng mộ, làm việc bác ái,... thì nay lại càng được phát huy hơn. Trong mỗi thánh lễ Misa, bao giờ cũng có lời nguyện dành cho các linh hồn. Trong những buổi cầu nguyện chung, một trong những nội dung chủ yếu là cầu nguyện cho ông bà tổ tiên đã qua đời. Ở một số vùng, người ta còn sáng tác những bài hát, hay những lời nguyện ngắn gọn để cầu xin lòng thương xót của Chúa đối với ông bà tổ tiên.

Đặc biệt, sau Công đồng Vatican II, những lễ thức mới xuất hiện ngày càng nhiều và rất phong phú, nhưng không vì thế mà xa rời tinh thần Công giáo. Nói là mới, vì trước đây bà con giáo dân không được phép làm, nhưng nó không mới hoàn toàn vì đã có hình bóng trong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt và đã định hình trong tâm trí người Công giáo. Có lẽ đây là dịp để họ thể hiện những dự kiến, những ước muốn có sẵn trong lòng người Công giáo Việt mà thôi. Từ những thay đổi nhận thức bên trong, giáo dân Việt Nam đã thể hiện nhiều hình thức hiếu kính tổ tiên cha mẹ khi đã khuất núi.

Ngày giỗ tổ tiên là một ngày quan trọng đối với người Công giáo Việt. Nhưng đối với họ, các nghi lễ không còn dài dòng, rườm rà. Đến ngày giỗ, không cần phải tiên thường (vọng) và ngày chính, mà là đúng ngày, có khi gần sát ngày cho tiện lịch làm việc của mọi người. Có thể tùy ý chọn ngày dương hay âm cho thích hợp vì có khi theo âm lịch lại trùng hoặc sát Tết, sát lễ lớn bên đạo, trong trường hợp này, người ta chọn theo dương lịch.

Điều khác biệt quan trọng trong lễ giỗ của người Công giáo so với lễ giỗ bên lương là, thay cho việc cầu cúng lễ bái, người Công giáo tập trung lại cầu nguyện cho tổ tiên. Đối với họ, đây là việc làm có ý nghĩa nhất đối với các linh hồn. Trọng tâm của buổi cầu nguyện là "Kinh cầu chịu nạn". Kinh này nhắc lại những biến cố khổ nạn và phục sinh của Chúa Giêsu, để nêu cao lòng thương xót mà Chúa dành cho nhân loại, từ đó nài xin lòng thương xót của Chúa cho linh hồn người thân đã qua đời. Sau đó con cháu cùng nhau ăn uống vui vẻ. Đây là cơ hội cho họ hàng gặp mặt, xem mặt con cháu, tìm hiểu chúng lớn đến đâu, học hành, nghề nghiệp, tính nết... như thế nào. Hiếm khi có sự cãi cọ ở các đám giỗ Công giáo.

Các dòng họ Công giáo hiện nay hầu như không còn nhà từ đường, đất hương hỏa, các ngày giỗ đều do mọi thành phần đóng góp: từ xin lễ đến chi phí giỗ, ăn uống, chụp ảnh quay phim..., dĩ nhiên cũng nghĩ đến gia cảnh khó khăn để chia sẻ phần đóng góp cho nhau.

Bàn thờ tổ tiên của người Công giáo Việt có lẽ là nơi phản ánh khá đầy đủ và sâu sắc tinh thần hòa nhập của Công giáo với tục thờ cúng tổ tiên của người Việt.

Đã qua rồi, thời người gia nhập đạo phải bí mật gửi bài vị, bát hương cho người thân không theo Công giáo, hằng năm giỗ chạp vẫn lén lút thờ cúng, hoặc có người vào đạo

đã được bầu lên chức trùm họ vẫn thấp hương thờ cúng tổ tiên trong chum... Nếu trước Công đồng Vatican II, người Công giáo Việt không được lập bàn thờ tổ tiên thì nay bàn thờ tổ tiên được lập một cách trang trọng và thành kính. Người Công giáo Việt Nam không tin rằng tổ tiên hiện diện trên bàn thờ, nhưng bàn thờ là nơi con cháu lưu giữ hình ảnh tổ tiên, nhắc nhở họ nhớ về cha ông mình.

Theo kết quả khảo sát tại giáo xứ Bình Hải (xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định), 100% các gia đình Công giáo Việt lập bàn thờ tổ tiên. Tuy nhiên, về vị trí của bàn thờ thì không phải gia đình nào cũng giống nhau. Có hai cách thức đặt bàn thờ phổ biến mà gia đình người Công giáo xứ Bình Hải sử dụng, đó là: hoặc đặt chung nhưng thấp hơn bàn thờ Chúa; hoặc lập bàn thờ riêng (có thể ở gian bên cạnh hoặc trên nóc tủ). Trong 100 gia đình được khảo sát, thì có 21 gia đình đặt bàn thờ tổ tiên chung nhưng thấp hơn bàn thờ Chúa; 38 gia đình lập bàn thờ tổ tiên ở gian cạnh nhà; 41 gia đình sử dụng nóc tủ làm nơi đặt bàn thờ tổ tiên.

Bàn thờ tổ tiên trong gia đình người Việt truyền thống được bài trí rất phức tạp. Còn về phía người Công giáo thì, nhìn chung, bàn thờ tổ tiên của họ khá đơn giản: có ảnh của người quá cố được sắp đặt theo thứ tự, một bát hương, hai cây nến, một lọ hoa. Bên cạnh đó, nhiều gia đình còn trang trí thêm các chi tiết khác như bóng điện, đèn nháy,... Trong nhiều gia đình, trên bàn thờ tổ tiên còn bày cả những đồ ăn như hoa quả, bánh kẹo. Nhưng không giống như người Việt nói chung, người Công giáo Việt không sử dụng đồ "mặn" để làm lễ vật dâng lên tổ tiên.

Bàn thờ tổ tiên có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Công giáo Việt. Con cháu đi xa về, ngoài mua những quà tặng cho gia đình, không quên mua lễ vật về "thấp hương" cho

ông bà. Điều đó không có nghĩa là người Công giáo tin rằng tổ tiên có thể hưởng những lễ vật ấy, những việc làm đó thể hiện lòng hiếu thảo, kính trọng và biết ơn của họ đối với ông bà tổ tiên. Trong ngày tết đến, xuân về, bàn thờ tổ tiên không lúc nào thiếu hương thơm. Người Việt giờ đây cũng được sử dụng hương như mọi người khác nhưng không đơn giản để thanh tẩy bụi trần hay tạo không khí thiêng liêng, mà quan trọng hơn, khói hương tượng trưng cho lời cầu nguyện, cho tấm lòng thơm tho bay lên nơi thánh Chúa (thánh ca có câu: "Lời con như trầm hương bay lên tới Thiên toà..."). Trong lễ thành hôn, khi cô dâu về nhà chồng, mẹ chú rể dắt hai con vào thấp hương, làm lễ trước bàn thờ Chúa, sau đó là bàn thờ tổ tiên với ý báo cáo với tổ tiên về sự hiện diện của một người con mới trong gia đình, xin tổ tiên đón nhận và chứng giám.

Trên đây là một số những thay đổi tiêu biểu về lễ thức trong việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt. Ngoài ra còn nhiều những thay đổi khác nữa, nhưng chưa được trình bày, do giới hạn của bài viết.

3. Nhận xét chung

Nghiên cứu việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo Việt trước và sau Công đồng Vatican II, thực chất là làm rõ quá trình ứng xử của họ với tục thờ cúng tổ tiên của dân tộc. Người viết xin đưa ra một vài nhận xét sau đây:

Thứ nhất, quá trình ứng xử của người Công giáo Việt Nam với tục thờ cúng tổ tiên là một quá trình dai dẳng và kéo dài (từ những ngày đầu Công giáo du nhập vào Việt Nam cho đến bản *Thông cáo 1965*) với nhiều đau thương, bất đồng, mâu thuẫn và dằn vặt. Đau thương vì cùng với những nguyên nhân khác, vấn đề thờ cúng tổ tiên là nguyên nhân quan trọng dẫn đến những chỉ dụ cấm đạo và những cuộc bách hại Công giáo trên toàn quốc trong thời kỳ phong kiến; ít có khi Công giáo được tự do

rao giảng trên đất Việt Nam. Những bất đồng, mâu thuẫn xảy ra không chỉ trong tư tưởng mà trong cả những lễ nghi giữa giáo lý Công giáo và đời sống tín ngưỡng của người Việt, giữa các phe phái trong hàng ngũ giáo sĩ,... Những mâu thuẫn trong quan niệm dẫn đến mâu thuẫn trong việc làm, ví dụ như việc có quỳ lạy hay không trước thi hài người quá cố... Những bất đồng ấy khiến cho người Công giáo Việt sống trong một tâm trạng day dứt, vì một mặt phải giữ những quy định của Giáo hội để không bị "rút phép thông công"; mặt khác làm sao để không bị coi là bất hiếu với ông bà cha mẹ...

Thứ hai, trải qua một thời gian dài sống trong những cấm đoán của giáo quyền với nhiều đau khổ, day dứt, người Công giáo Việt Nam một mặt vẫn giữ được niềm tin tôn giáo của mình, mặt khác vẫn trung thành với những giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Tục thờ cúng tổ tiên vẫn được duy trì một cách công khai hoặc lén lút, bởi lòng hiếu thảo, hiếu kính với ông bà cha mẹ chính là cái hồn, cái bản chất nhất của tục thờ cúng tổ tiên, cũng là cái hồn của người Việt.

Thứ ba, khi tiếp nhận một tôn giáo mới, những niềm tin mới, lễ thức mới tràn vào, người Công giáo Việt Nam đã có một quá trình thanh lọc, tiếp biến những yếu tố văn hóa Công giáo sao cho phù hợp với tục thờ cúng tổ tiên của dân tộc và ngược lại, làm cho cả hai có thể cùng tồn tại và đồng hành với nhau trong một diện mạo mới. Người Công giáo Việt tận dụng tối đa những phương cách, lễ thức Công giáo như thánh lễ, việc cầu nguyện,... để mưu lợi ích cho tổ tiên mình. Ngược lại, người tín hữu cũng cải biến những lễ nghi của tục lễ cũ cho phù hợp với tinh thần mới. Bằng chứng là, những ý nghĩa trong việc tôn kính tổ tiên không hề mất đi, nhưng rất nhiều lễ thức cũ như đốt vàng mã, cúng đồ mặn, gọi hồn,... đã không còn.

Thứ tư, có thể nói, việc ứng xử của người Công giáo Việt Nam với tục thờ cúng tổ tiên là một biểu hiện sống động nhất của quá trình hội nhập giữa Công giáo và văn hóa Việt Nam cũng như quá trình Công giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số hiểu lầm, một số tranh luận về việc tôn kính tổ tiên của người Công giáo. Thực tế là cho đến nay, nhiều người Công giáo vẫn không hề hay biết chủ trương của Giáo hội về vấn đề thờ cúng tổ tiên chứ chưa nói gì đến những hiểu biết về cuộc tranh luận dai dẳng xung quanh vấn đề này. Cho nên, những việc làm đối với ông bà tổ tiên hiện nay tuy thật tâm nhưng chỉ đơn thuần là những việc làm “bắt chước” truyền thống cha ông hoặc theo lương tâm mách bảo. Bên cạnh đó, vấn đề người Công giáo có thờ cúng tổ tiên hay không vẫn là một câu hỏi mà nhiều người ngoài Công giáo đặt ra. Vì thế, cho đến nay, sự “chia rẽ” trong vấn đề này ít nhiều vẫn còn tồn tại. Thiết nghĩ, đây cũng là dịp để làm rõ vấn đề này:

Thứ nhất, người Công giáo không thờ cúng tổ tiên nghĩa là không coi tổ tiên như một đấng thần linh có ảnh hưởng trực tiếp (như ban ơn, trừng phạt,...) đến con người dương thế, như một thể lực mà con người phải thờ lạy và cúng bái; ngược lại người Công giáo chỉ có một đấng “thần linh” duy nhất là Chúa và chỉ thờ phụng một mình Ngài mà thôi. Cho nên, đối với tổ tiên cũng như với các bậc tài đức khác, người Công giáo phải sử dụng từ “tôn kính”: “Tôn kính tổ tiên” thay cho “Thờ cúng tổ tiên”. Khái niệm “thờ” hay “tôn thờ” ở người Việt được hiểu rất đa nghĩa (ví dụ: thờ cha kính mẹ, thờ chồng nuôi con). “Thờ” trong trường hợp này không chỉ có nghĩa là thờ lạy thần linh (tức là tôn giáo theo nghĩa phương Tây). “Thờ” còn có nghĩa là tôn kính. Tuy nhiên, để tránh những

hiểu lầm, cũng cần thống nhất trong việc sử dụng khái niệm này.

Thứ hai, nói như vậy không có nghĩa là người Công giáo trở thành những kẻ bất hiếu, bội bạc, quên mất gốc gác của mình, ngược lại họ luôn dành cho tổ tiên sự kính trọng. Ý nghĩa báo hiếu, tinh thần báo hiếu không hề mất đi mà chỉ chuyển từ dạng thức này sang dạng thức khác. Quan niệm và niềm tin chính là cơ sở cho những thay đổi ấy.

V.V.Đ

(NCV, Viện Văn hóa)

Tài liệu tham khảo

1. Toan Ánh (2000), *Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
2. Nguyễn Hồng Dương (2002), *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Hồng Dương, Ngô Quốc Đông (2012), *Công giáo Việt Nam tri thức cơ bản*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
4. Nguyễn Khắc Dương (2000), *Tín điều các Thánh thông công và đạo hiếu (tôn kính tổ tiên) nơi người Việt và người Việt Công giáo*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam (2004), *Giáo hội Công giáo Việt Nam - Niên giám 2004*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
6. Phan Phát Huồn (1965), *Việt Nam giáo sử*, Nxb Cứu Thế tùng thư, Sài Gòn.
7. Hà Huy Tú (2002), *Tim hiểu nét đẹp văn hóa Thiên Chúa giáo*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 17/12/2012

Ngày phản biện, đánh giá: 8/1/2013

Ngày chấp nhận đăng: 28/2/2013

NGHI LỄ, CHUẨN MỤC VÀ TÍNH LINH HOẠT TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ THANH MAI

Tóm tắt

Có thể thấy rằng, hiện nay, khi mà ở Việt Nam, sự tan vỡ của các gia đình đang là vấn đề đáng báo động đối với toàn xã hội thì gia đình Công giáo với những đặc trưng riêng biệt, những nghi lễ, chuẩn mực có phần khắt khe, nghiêm ngặt về hôn nhân, quan hệ gia đình, sinh sản, giáo dục con cái... lại được coi là khá lý tưởng và toàn vẹn. Những nghi lễ, chuẩn mực là nền tảng cơ bản để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, đứng trước làn sóng hội nhập và phát triển, giáo hội Công giáo Việt Nam, một mặt vẫn luôn giữ vững lập trường về định chế gia đình nhưng mặt khác đã nới lỏng hơn nhiều điều luật và linh hoạt hơn trong đời sống đạo nhằm thích ứng với những thay đổi của xã hội.

Từ khóa: Gia đình Công giáo, quan hệ hôn nhân, chuẩn mực, nghi lễ, sinh sản, giáo dục

Abstract

It can be seen that, at present, when the breakup of the family is an alarming problem for the whole society, the Catholic family with rigorous distinct characteristics, rituals, norms, strict marriage, family, fertility, parenting... is considered to be quite ideal and integrity, as basic foundation to build happiness for the family. However, in the process of integration and development today, the Catholic Church of Vietnam remains a firm stance on the institution of the family, but on the other hand loosens many articles of law and more flexible in life to adapt to the changes of social life today.

Keyword: Catholic family, marital relations, standard, rituals, fertility, education

So với nhiều tôn giáo trên thế giới, Công giáo được coi là một tôn giáo có hệ thống tổ chức khá thống nhất, với hệ thống giáo lý, giáo luật chặt chẽ, đặc biệt là những nghi lễ, chuẩn mực khá nghiêm ngặt, khắt khe trong hôn nhân, gia đình, sinh sản, giáo dục con cái... song đó lại là một thành trì vững chắc giữ gìn hạnh phúc gia đình trước làn sóng hội nhập và phát triển. Trong bài viết này chúng tôi muốn đi sâu tìm hiểu về những nghi lễ, chuẩn mực và tính linh hoạt trong đời sống gia đình của người Công giáo cũng như góp

phần nhất định trong việc tìm ra một hướng đi phù hợp cho gia đình Việt Nam trong thời kỳ hiện nay...

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo. So với nhiều nước trong khu vực, Việt Nam luôn tồn tại nhiều hình thái tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau. Hiện nay, ở nước ta có khoảng 80% dân số có đời sống tín ngưỡng tôn giáo và khoảng hơn 25 triệu tín đồ của sáu tôn giáo chính, chiếm khoảng 1/4 dân số (1), trong đó, Công giáo là tôn giáo đứng thứ hai với trên 6,1 triệu tín đồ.